

**DANH MỤC CÁC LOẠI PHÂN BÓN THAY THẾ CÁC LOẠI PHÂN BÓN ĐÃ CÓ TRONG DANH MỤC
ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13 /2012/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT)

A. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BNN ngày 06/02/2007 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT) nhưng có sự thay đổi về tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

VI- PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị tính	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
80	1	HA. 7-10-3+TE		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-10-3; Độ ẩm: 10	CT TNHH TM Hoàng Ân	CT CP XNK Nông Dược Hoàng Ân
				ppm	Zn: 500; Fe: 200; Cu: 500; Mg: 200; Mn: 200; Mo: 50; B: 300; α Naphtyl Axit acetic: 200		
81	2	HA. 8-8-4+TE		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-8-4; Độ ẩm: 10		
				ppm	Cu: 500; Zn: 500; Fe: 500; Cu: 500; Mg: 500; B: 200		
82	3	HA. 8-7-4+TE		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-7-4		
				ppm	Mn: 150; Fe: 100; Zn: 150; Cu: 500; B: 200; Mg: 150; Vitamin B1: 50; Vitamin C: 100		
					pH: 5-7; Tỷ trọng: 1,1-1,2		
83	4	HA. 5-6-3		%	Axit Humic: 3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-6-3		
				ppm	GA ₃ : 200		
					pH: 5-7; Tỷ trọng: 1,1-1,2		

B. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 102/2007/QĐ-BNN ngày 11/12/2007 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT) nhưng có sự thay đổi về tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

IV. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
7	5	MENXANH		%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-1-1; Độ ẩm: 30	CT TNHH SX- TM Tô Ba	CT TNHH TM XNK Phú Việt An
				Cfu/g	Azotobacter sp; Bacillus sp; Xạ khuẩn: 1x10 ⁶ mỗi loại		

C. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 79/2008/QĐ-BNN ngày 08/7/2008 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT) nhưng có sự thay đổi về tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

VII. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
37	6	TB-Humate	BIO-Xanh	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-5-5; Axit Humic: 3,5	CT TNHH SX- TM Tô Ba	CT TNHH TM XNK Phú Việt An
				ppm	Zn: 500; Cu: 300; Mn: 200; B: 50		
					pH : 6,8-7,2 ; Tỷ trọng : 1,1		

D. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BNN ngày 27/3/2009 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT) nhưng có sự thay đổi về tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

III. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
16	7	NBC 4-2-2 (chuyên lúa)	BIO 4-2-2 (chuyên lúa)	%	HC:15;N-P ₂ O ₅ -K ₂ O:4-2-2;CaO:0,5;MgO:0,3;Độ ẩm:20	CT TNHH Nam Bắc	CT TNHH BIO VINA
				ppm	Cu: 80; Zn: 100; B: 200		

V. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
76	8	PS - 007	Agri HC-TVL	%	Axit Humic: 4; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-3	CT TNHH Phân bón Phù Sa	CT TNHH Agri - HiTech
				ppm	Mg: 1000; Fe: 100; Mn: 500; Zn: 500; Cu: 500; Mo: 50		
					B: 200; Co: 20		
					pH: 5,5-6,5; Tỷ trọng: 1,05-1,1		

Đ. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2009/TT-BNNPTNT ngày 14/7/2009 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

III. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
23	9	P.H	ĐVP		HC: 23; Axit Humic: 3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-1-1; Độ ẩm: 20	CT TNHH P-H	CT TNHH Điền Viên Phát
					ph: 6,5		

IV. PHÂN HỮU KHOÁNG

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
25	10	P.H 14-0-1	ĐVP 14-0-1		HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 14-1; CaO: 0,4; S: 6,6; Fe: 0,4	CT TNHH P-H	CT TNHH Điền Viên Phát
					Độ ẩm: 20		
					Fe: 4000		

E. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2009/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2009 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

IV. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
16	11	NOVIE số 2	Đại Hùng 323	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-2-3; Độ ẩm: 20	CT TNHH SX TM Nông Việt	CT CP TM&DV TDE
				ppm	Fe: 50; Cu: 50; Zn: 100; B: 100		

VII. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
				%	Axit Humic: 7; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-10-6		

42	12	NP-KALI HUMATE	Q-T	mg/l	Mg: 70; S: 100; Cu: 80; Zn: 50; B: 100; Mn: 50	CT TNHH XD Nhà Phố	CT TNHH MA SA GO
				%	pH: 5,5-6,5; Tỷ trọng: 1,15-1,18		
43	13	Kali Ca	Ấn Tượng	mg/l	N-K ₂ O: 10-20; CaO: 5; Mg: 3; GA ₃ : 0,3		
				%	S: 100; Cu: 80; Zn: 50; B: 100		
45	14	Cao Cấp - Giàu Kali - "7-5-44"	Giàu Kali 7-5-44	%	pH: 5,5-6,5; Tỷ trọng: 1,16-1,18	CT TNHH KT NN Phú Mỹ	CT TNHH NN Quốc Tế
				%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-5-44; S: 8; B: 0,2; Zn: 0,1; Cu: 0,01		
				%	pH: 5,5-6,5; Tỷ trọng: 1,16-1,18		
55	15	PM K-HUMATE	Bàn tay vàng QT K-Humate	%	Axit Humic: 9; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-8-5; MgO: 1; ZnO: 0,1; Vitamin B1: 0,1; Vitamin B2: 0,1		
				ppm	Cu: 80; Fe: 50; Mn: 50; Ca: 320	CT TNHH KT NN Phú Mỹ	CT TNHH NN Quốc Tế
				%	pH: 6,5-7,5; Tỷ trọng: 1,0-1,2		
56	16	PM LÂN+	Bàn tay vàng QT LÂN +	g/l	P ₂ O ₅ -K ₂ O: 750-60; CaO: 60; MgO: 30		
				%	pH: 0,6-1; Tỷ trọng: 1,4-1,6		

G. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 85/2009/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2009 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

IV. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
17	17	KP- Super	Agri - KHC	%	HC: 15; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-5-2; SiO ₂ : 8 Độ ẩm: 20	CT TNHH Phân bón Phù Sa	CT TNHH Agri - HiTech

VII. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
48	18	PS 7-5-44	HiTech 7-5- 44+Mg+TE+B	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-5-44; MgO: 3; Độ ẩm: 8	CT TNHH Phân bón Phù Sa	CT TNHH Agri- HiTech
				ppm	Cu: 400; Zn: 400; B: 400		

H. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 01 - DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2010/TT-BNNPTNT ngày 29/6/2010 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

VI. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
18	19	VIPPEN		%	Axit Humic: 1,03; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4,11-2,07-2,1; S: 0,13; Zn: 0,055; Cu: 0,046; B: 0,01; Fe: 0,024; Mn: 0,007; Mo: 0,002	CT TNHH Kinh doanh BDS Cường Phát	CT TNHH SX &KD Phân bón Cường Phát
				%	pH: 6,5-7,5; Tỷ trọng: 1,2		
19	20	TOPPEN		%	Axit Humic: 1,3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,48-1,52-4,75; Ca: 0,23; Mg: 0,17; S: 0,25; Zn: 0,032; Cu: 0,03; Co: 0,0013; B: 0,055; Fe: 0,035; Mn: 0,012; Mo: 0,005		
				%	pH: 6,5-7,5; Tỷ trọng: 1,2		

20	21	ÉN VÀNG		%	Axit Humic: 1,1; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,29-3,02-4,01; Ca: 0,12; Mg: 0,28; S: 0,18; Zn: 0,013; Cu: 0,02; B: 0,04; Fe: 0,041; Mn: 0,012; Mo: 0,005	CT TNHH Kinh doanh BĐS Cường Phát	CT TNHH SX &KD Phân bón Cường Phát
					pH: 6,5-7,5; Tỷ trọng: 1,2		
21	22	LEADPEN		%	Axit Humic: 1,22; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,03-4,21-3,17; Mg: 0,19; S: 0,37; Zn: 0,029; Co: 0,0021; Cu: 0,011; B: 0,025; Fe: 0,253; Mn: 0,004; Mo: 0,009		
					pH: 6,5-7,5; Tỷ trọng: 1,2		
7	23	AVI Organic 1		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-3-4	CT CP Quốc tế Anh Việt [NK từ Hoa Kỳ]	CT CP SXTM Ngôi Sao Miền Tây [NK từ Hoa Kỳ]
					pH: 6,5-7,5; Tỷ trọng: 1,2		
8	24	AVI Organic 2		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-1-1		
					pH: 6,58; Tỷ trọng: 1,0		
9	25	AVI Organic 3		%	Axit Humic: 8		
					pH: 12; Tỷ trọng: 1,12		
190	26	NP-SIÊU LÂN	H-T	g/l	P ₂ O ₅ -K ₂ O: 500-75; MgO: 100	CT TNHH XD Nhà Phố	CT TNHH MA SA GO
					pH: 0,5-1,2; Tỷ trọng: 1,5-1,8		

I. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 02 - DMPB được phép SXKD&SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2010/TT-BNNPTNT ngày 24/8/2010 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

III. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
9	27	DONA		%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-1-1; Độ ẩm:30	CT TNHH kinh doanh BĐS Cường Phát	CT TNHH SX&KD Phân bón Cường Phát
				Cfu/g	Trichoderma spp; Pseudomonas spp; Nitrobacterium spp, Aspirillum spp: 1x10 ⁶ mỗi loại		

IV. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
17	28	DONA		%	HC:23; Axit Humic:2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O:2,5-1-1; Độ ẩm:20	CT TNHH kinh doanh BĐS Cường Phát	CT TNHH SX&KD Phân bón Cường Phát
					pH: 6,5		
53	29	Con Chồn Trắng	AE-Hợp Lực	%	HC: 22; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-1-0,5; MgO: 1; CaO: 2; S: 0,5; Độ ẩm: 20	CT TNHH Trí Nông	CT TNHH Anh Em
				ppm	Zn: 100; Mn: 100; B: 100; Cu: 100; Fe: 100		
59	30	ÚC VIỆT SỐ 1	Lưu Ích-Gà Bồ Mẹ	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-0,5-0,5	CT TNHH Quốc Tế Úc Việt	DN TN Lưu Ích
					CaO: 0,05; MgO: 0,05; Độ ẩm: 20		
				ppm	Zn: 100; Cu: 50; Fe: 50; Bo: 50		
					pH: 5-7		

VI. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới

243	31	CON ÉN (TT)	MMC 01	%	Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-5-5; Ca: 0,05; Mg: 0,05; S: 0,05; Độ ẩm: 10	CT TNHH DV&TM Việt Giang	CT TNHH NN Xanh Hà Nội MMC
				ppm	Fe:100; Cu:400; Zn:300; B:500; Mo:20; GA ₃ :100		
142	32	PM 07	Bàn tay vàng QT 04	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-7-7; MgO: 2; Alginic axit: 0,5	CT TNHH KTNN Phú Mỹ	CT TNHH NN Quốc Tế
				ppm	B: 9300; Vitamin B: 1000; Vitamin C: 250		
					pH: 8,5-9,5; Tỷ trọng: 1,05-1,15		
143	33	PM 06 (chuyên cây ăn quả)	Bàn tay vàng QT 06 (chuyên cây ăn quả)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 12-6-8; MgO: 1,5; S: 0,03		
				ppm	B: 9.300; Cu: 150; Fe: 100; Zn: 250; Mn: 200; Mo: 5		
					pH: 9,8-10,3; Tỷ trọng: 1,15-1,25		

K. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 03, DMPB được phép SXKD&SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 65/2010/TT-BNNPTNT ngày 5/11/2010 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

VIII. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
181	34	Cầu Vồng 1 (Rainbow 1)		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-3-2; Axit Fulvic: 1; CaO: 0,5; MgO: 0,5; Amino axit (Serine; Histidine; Threonine; Alanine; Agrinine; Tyrosine; Valine; Phenyllalanine; Leucine; lysine; Proline): 4,5	CT CPQT Rainbow	CT CP Môi trường QT Rainbow
				ppm	Cu: 200; B: 300; Fe: 150; Zn: 200		
					pH: 5-6; Tỷ trọng: 1,05-1,2		
182	35	Cầu Vồng 2 (Rainbow 2)		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-2-8; ; Axit Fulvic: 2; CaO: 0,5; MgO: 0,5 Amino axit (Serine; Histidine; Threonine; Alanine; Agrinine; Tyrosine; Valine; Phenyllalanine; Leucine; lysine; Proline) 4,5		
				ppm	Cu: 200; B: 300; Fe: 150; Zn: 200		
					pH: 5-6; Tỷ trọng: 1,05-1,2		
183	36	Cầu Vồng 3 (Rainbow 3)		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-3-3; CaO: 0,5; MgO: 0,5 Amino axit (Serine; Histidine; Threonine; Alanine; Agrinine; Tyrosine; Valine; Phenyllalanine; Leucine; lysine; Proline): 4,5		
				ppm	Cu: 200; Mn: 100; B: 300; Fe: 150; Zn: 200		
					pH: 5-6; Tỷ trọng: 1,05-1,2		
184	37	Cầu Vồng 4 (Rainbow 4)		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-5-4; CaO: 0,5; MgO: 0,5; Amino axit (Serine; Histidine; Threonine; Alanine; Agrinine; Tyrosine; Valine; Phenyllalanine; Leucine; lysine; Proline): 4,5		
				ppm	Cu: 200; B: 300; Fe: 150; Zn: 200		
					pH: 5-6; Tỷ trọng: 1,05-1,2		
185	38	Cầu Vồng 5 (Rainbow 5)		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O:3-2-3; CaO: 0,5; MgO: 0,5; SiO ₂ : 0,5; Amino axit (Serine; Histidine; Threonine; Alanine; Agrinine; Tyrosine; Valine; Phenyllalanine; Leucine; lysine; Proline): 4,5		
				ppm	Cu: 200; B: 300; Fe: 150; Zn: 200		
					pH: 5-6; Tỷ trọng: 1,05-1,2		

186	39	Cầu Vồng 6 (Rainbow 6)	%	N-P ₂ O ₅ - K ₂ O: 0,5-10-10	CT CPQT Rainbow	CT CP Môi trường QT Rainbow
			ppm	Cu: 200; B: 300; Fe: 150; Zn: 200		
				pH: 5-6; Tỷ trọng: 1,05-1,2		
187	40	Cầu Vồng 7 (Rainbow 7)	%	HC:23; Axit Fulvic:2; Axit Humic:2; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O:1-2-5; CaO:0,5; MgO:0,5; Amino axit (Serine; Histidine; Threonine; Alanine; Agrinine; Tyrosine; Valine; Phenylalanine; Leucine; lysine; Proline):4,5		
			ppm	Cu: 200; B: 300; Fe: 150; Zn: 200		
				pH: 5-6; Tỷ trọng: 1,05-1,2		
188	41	Cầu Vồng 8 (Rainbow 8)	%	HC: 23; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-2-2; CaO: 0,5; MgO: 0,5; Amino axit (Serine; Histidine; Threonine; Alanine; Agrinine; Tyrosine; Valine; Phenylalanine; Leucine; lysine; Proline): 4,5;		
			ppm	Cu: 200; Mn: 100; B: 300; Fe: 150; Zn: 200		
				pH: 4-4,5; Tỷ trọng: 1,05-1,2		

L. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 4, DMPB được phép SXKD&SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 65/2010/TT-BNNPTNT ngày 5/11/2010 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

VI. PHÂN BÓN LÁ (trang 72)

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
69	42	GSX-07	Đầu Bò 09 (Bum super)	%	HC: 3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-3-8; Độ ẩm: 10	CT TNHH Giang Sơn Xanh	CT TNHH TM-SX Phước Hưng
				ppm	Ca: 1000; S: 500; Zn: 150; Cu: 200		
296	43	VIỆT NAM XANH 3 (VINAGREEN03)	VALVA-M (VALVA-N)	%	N-K ₂ O: 8-1; MgO: 11; GA3: 0,01; Độ ẩm: 20	CT CP Quốc tế Nông nghiệp Vinagreen	CT TNHH VALVA
				ppm	Cu: 100; Zn: 110; Bo: 150		
297	44	VIỆT NAM XANH 4 (VINAGREEN04)	VALVA-K (VALVA-NK)	%	N-K ₂ O: 0,9-46; Độ ẩm: 20		
				ppm	Bo: 150; Mg: 80; Zn: 110		

M. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 01 DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2011/TT-BNNPTNT ngày 15/4/2011 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

VI. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
196	45	HTC 02	Con ÉN (TT)	%	N-P ₂ O ₅ - K ₂ O: 3-2,5-6,5	CT CP KT & DV TM PT HTC COM	CT TNHH DV&TM Việt Giang
				mg/l	Mn: 500; Zn: 300; Cu: 100; B: 800		
					pH: 5,5; Tỷ trọng: 1,12-1,16		

VII. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
47	46	SEN TRA (NITOMIX) 3-4-2+TE	AE Số 1	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-4-2; Độ ẩm: 20	CT TNHH SEN TRA	CT TNHH Anh Em
				ppm	Zn: 80; Cu: 80; Fe: 120; Mn: 100		

75	47	Đại Nông Phát	Trường Sinh	%	HC: 15; Axit Humic: 0,6; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-2; CaO: 3,2; MgO: 1,2; Si: 2; Độ ẩm: 20	CT CP ĐT&PTNN Đại Nông Phát	CT TNHH MTV Trường Sinh
----	----	---------------	-------------	---	---	-----------------------------------	----------------------------

VIII. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
273	48	NVD-5L chuyên lúa	Thóc Vàng Chuyên lúa	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8,6-3,5-21,4; Mg: 0,3; Độ ẩm: 8	CT TNHH Nông Việt Đức	CT TNHH La Na
				ppm	B:450;Zn:190;Fe:280;Cu:240;Mn:50;Mo:20;GA ₃ :200		
202	49	HTC 08	Lợi Nông 5-2,5-3,8	%	Axit Humic: 4,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-2,5-3,8; Ca: 0,06	CT CP KT & DV TM PT HTC COM	CT TNHH Hóa chất -Thiết bị Quang Phát
				mg/l	Mn: 300; Zn: 450; Cu: 150; B: 600		
					pH: 5,4-5,7; Tỷ trọng: 1,13-1,19		
94	50	AGRO 18		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,33-0,33-0,33; MgO: 0,13; Ca: 0,47	CT TNHH MTV Đông Dương	CT TNHH MTV Quốc tế Thế Kỷ [NK từ Singapore]
					pH: 8-9; Tỷ trọng: 1-1,05	Quốc tế chuyên ngành Thế kỷ	
95	51	AGRO 18W		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1,75-0,25-0,25; MgO: 0,1; Ca: 0,35	[NK từ Singapore]	
					pH: 8-11; Tỷ trọng: 1-1,05		
96	52	Hữu cơ AGRO 18-3X		%	HC: 22; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-1-1; MgO: 0,4; Ca: 1,4		
					pH: 5-7; Tỷ trọng: 1-1,1		

X. CHẤT CẢI TẠO ĐẤT

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
1	53	Soil 18		%	Axit Citric: 30	CT TNHH MTV Đông Dương	CT TNHH MTV Quốc tế
					pH: 2,5-3; Tỷ trọng: 1,14-1,31		

N. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 02, DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 42/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/6/2011 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

V. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG (trang 17)

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
83	54	NPK Con Trâu		%	HC: 16; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-2-2; Độ ẩm: 24	CTCP ĐT&PT NN Trung Ương	CTCP ĐT&PT NN Trung Ương; CT TNHH Agrivina
				ppm	Zn: 300; B: 100; Cu: 200; Mg: 300		

O. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 01, DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 59/2011/TT-BNNPTNT ngày 30/8/2011 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

VII. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
80	55	LAKMIN 15-30-15+TE	DANA 6-30-30+TE	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 15-30-15; Độ ẩm: 10	CT TNHH Lâm Khải Minh	CT TNHH Hóa chất Đại Nam Á
				ppm	B: 500; Zn: 150; Fe: 100; Cu: 100; Mn: 100; GA ₃ : 300; NAA: 200		
64	56	LÚA XANH 3-15-3+TE (GREEN RICE 3-15-3+TE)	TN 3-15-3+TE (CaSilic 3-15-3+TE)	%	Axit Humic: 5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-15-3; SiO ₂ : 15; CaO: 10; Mg: 0,01; Độ ẩm: 12	CT TNHH MTV SXTM	CT TNHH MTV
				ppm	GA ₃ : 150; Fe: 100; Cu: 100; Zn: 100; Mn: 100; B: 100		

65	57	LÚA XANH 602: 5-9-5+TE (SUPER BEST 602: 5-9-5+TE)	TN 5-9-5+TE (Super Smart5-9-5+TE)	%	Axit Humic:3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O:5-9-5; Mg:0,01; αNAA:0,1	SXIM Hoà Nông Lúa Xanh	SXTM Thành Nông
				ppm	Zn: 100; Fe: 100		
					pH: 6,9; Tỷ trọng:1,2		

P. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 02, DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 59/2011/TT-BNNPTNT ngày 30/8/2011 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

VI. PHÂN BÓN LÁ (trang 6)

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
25	58	Bàn Tay Vàng QT 02	Bàn Tay Vàng QT 08	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-5-7	CT TNHH KT NN Phú Mỹ	CT TNHH NN Quốc Tế
				ppm	Alginate axit: 1000; GA ₃ : 200; NAA: 300; Cu: 200; Zn: 300; Fe: 150; Mg: 350; Ca: 500; B: 400; Mo: 7		
					pH: 7,5-8,5; Tỷ trọng: 1,1-1,2		
26	59	Bàn Tay Vàng QT 03 (chuyên cây ăn quả)	Bàn Tay Vàng QT 07 (chuyên cây ăn quả)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-5-7; MgO: 1,5; S: 0,09		
				ppm	B: 9300; Cu: 150; Fe: 100; Zn: 250; Mn: 200; Mo: 5		
					pH: 9-9,5; Tỷ trọng: 1,05-1,15		
27	60	Bàn Tay Vàng QT 05 (chuyên cây ăn quả)		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-5-5; ZnO: 15		
				ppm	Alginate axit:500;GA ₃ :4500;VitaminB:500;VitaminC:250		
					pH: 11,3-11,8; Tỷ trọng: 1,05-1,15		

Q. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 01, DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 86/2011/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2011 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

III. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
32	61	Bàn Tay Vàng Quốc tế		%	HC: 15; Axit Humic: 0,3; N-P ₂ O ₅ : 1,2-0,5; Độ ẩm: 30	CT TNHH KT NN Phú Mỹ	CT TNHH NN Quốc Tế
				Cfu/g	Trichoderma: 1x10 ⁶		

IV. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
4	62	CM03	Con Heo Vàng	%	HC:23; Axit Humic:2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O:2,7-0,7-2; Độ ẩm:25	CT CP ĐT TM Bảo Hưng	CT TNHH TMDVPT Hà Phương

VI. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
16	63	Green Bio-1		%	Mg: 0,0025; Zn: 0,019; Mn: 0,05; B: 0,033; Cu: 0,045 Mo: 0,02; Fe:0,15; NAA:0,45	CT TNHH	CT TNHH

					pH: 5,1; Tỷ trọng: 1,05 Ca: 0,045; Mg: 0,055; S: 0,018; B: 0,03; Fe: 0,12; Zn: 0,018; Mo: 0,018; Cu: 0,028; Cytokinin: 0,3 pH: 6; Tỷ trọng: 1,08	Bách Thịnh (NK từ Đài Loan)	TMDVNN Sinh học Agribio (NK từ Đài Loan)
17	64	Green Bio-2		%			
18	65	Green Bio-3		%	Ca: 0,025; Mn: 0,018; Zn: 0,035; Fe: 0,32; Cu: 0,055 B: 0,035; Mo: 0,02; Saccharide: 3 pH: 6,2; Tỷ trọng: 1,1	CT TNHH Bách Thịnh (NK từ Đài Loan)	CT TNHH TMDVNN Sinh học Agribio (NK từ Đài Loan)
19	66	Green Bio-4		%	Mg: 0,036; S: 0,045; Ca: 0,058; Mn: 0,04; Fe: 0,15 Zn: 0,045; B: 0,03; Cu: 0,065; GA ₃ : 0,3 pH: 6,5; Tỷ trọng: 1,1		
159	67	TP-BỘI THU 7-5-44 (NUTRUFAR 7-5-44)	TP-BỘI THU 7-5-44 (NUTROFAR 7-5-44)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-5-44; Mg: 0,075; Độ ẩm: 1 Cu:220; Fe:600; Zn:300; Mn:700; Co:10; B:160; Mo:10	Công ty TNHH TM Thái Phong	
				%	Axit Humic: 0,3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-6-5; Mg: 0,05		
163	68	TIPOMIC 301		ppm	Zn: 500; B: 500 pH: 7-8; Tỷ trọng: 1,2		
103	69	Bàn Tay Vàng Quốc tế 01		g/lít	N-P ₂ O ₅ : 7-22; Ca: 2,5; B: 1,5 SiO ₂ : 30; Fe: 100; Zn: 100; Mg: 150; GA ₃ : 100 pH: 5-6,5; Tỷ trọng: 1,1-1,2	CT TNHH KT NN Phú Mỹ	CT TNHH NN Quốc Tế
				ppm			
104	70	Bàn Tay Vàng Quốc tế 2.1		g/lít	N-K ₂ O: 11-18,5; Ca: 1,7; B: 1,9 SiO ₂ : 50; Fe: 100; Zn: 100; Mg: 150; GA ₃ : 100 pH: 7,5-8,5; Tỷ trọng: 1,1		
				ppm			
				%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-3; SiO ₂ : 0,1; Ca: 0,2; B: 0,6		
105	71	Bàn Tay Vàng Quốc tế 3.1		ppm	Fe: 100; Zn: 100; Mg: 150; NAA: 100 pH: 6,5-7,5; Tỷ trọng: 1,2-1,3		